

*Tp.HCM, ngày 26 tháng 09 năm 2013*

# CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...  
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh Tế - Luật)

Tên chương trình: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

## 1. Mục tiêu đào tạo

### 1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo đội ngũ cử nhân kinh tế ngành Hệ thống thông tin quản lý có đầy đủ kiến thức chuyên môn cần thiết về tin học, kinh tế và quản lý và đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

### 1.2 Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo đội ngũ những nhà quản lý có khả năng đánh giá và thẩm định các dự án Hệ thống thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, quản lý.
- Đào tạo đội ngũ có khả năng am hiểu và vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề cụ thể trong quản lý và điều hành doanh nghiệp, ngân hàng.
- Đào tạo đội ngũ có chuyên môn cao có khả năng lập kế hoạch, xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý.
- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp.

### 1.3 Chuẩn đầu ra

#### ❖ Kiến thức

- a. Khả năng đánh giá, thẩm định và quản lý các dự án hệ thống thông tin trong doanh nghiệp;
- b. Khả năng tư vấn, lập kế hoạch, xây dựng và triển khai các dự án Hệ thống thông tin quản lý;
- c. Khả năng tham gia xây dựng và triển khai các dự án thương mại điện tử;

- d. Khả năng thống kê, tập hợp, phân tích và xử lý số liệu nhằm mục tiêu hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh và quản lý;
- e. Khả năng nhận biết về nhu cầu và tham gia vào việc học tập suốt đời;
- f. Kiến thức về những vấn đề thời sự.

❖ **Kỹ năng**

- g. Kỹ năng sử dụng các hệ thống quản trị doanh nghiệp;
- h. Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm;
- i. Khả năng viết báo cáo, thuyết trình, bảo vệ đề án.

❖ **Thái độ**

- j. Hiểu biết trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp;
- k. Trách nhiệm với bản thân và cộng đồng;
- l. Ý thức vượt khó vươn lên trong mọi công việc.

❖ **Trình độ ngoại ngữ**

- m. Khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả bằng tiếng Việt và tiếng Anh: 500 TOEIC hoặc tương đương.

#### **1.4 Cơ hội nghề nghiệp**

❖ **Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp**

- Tư vấn, lập kế hoạch, xây dựng và triển khai các dự án hệ thống thông tin, dự án ERP (hoạch định nguồn lực doanh nghiệp), các dự án thương mại điện tử tại các công ty cung cấp giải pháp;
- Vận hành, khai thác, quản lý và phát triển các dự án hệ thống thông tin, dự án ERP, các dự án thương mại điện tử tại các doanh nghiệp sử dụng giải pháp;
- Kiểm toán viên hệ thống thông tin trong các công ty kiểm toán;
- Phân tích dữ liệu, khai thác dữ liệu, thống kê dự báo trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản lý kết hợp với công cụ tin học nhằm mục tiêu hỗ trợ ra quyết định trong quản lý doanh nghiệp;
- Lập trình viên, kiểm tra và bảo đảm chất lượng phần mềm trong các công ty phần mềm hoặc tham gia vào các bộ phận IT (Information Technology) trong doanh nghiệp;
- Tiếp tục học nâng cao trình độ ở các bậc sau đại học bổ sung vào đội ngũ giảng viên làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và THCN.

❖ **Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp**

Tiếp tục học tập, nghiên cứu nâng cao kiến thức trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý và khối ngành kinh tế khác trong và ngoài nước.

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm với 8 học kỳ

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 130 TC (không kể phần kiến thức: ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Mọi đối tượng trên toàn quốc có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (hệ tập trung, hệ giáo dục thường xuyên), trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Căn cứ vào Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 1368 /ĐHQG-ĐH&SDH ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

### 5.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

### 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo.
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định.
- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất .
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

### 6. Thang điểm:

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

### 7. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy

#### HỌC KỲ I (Năm 1) – 19 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	
			<b>19</b>	<b>18</b>	<b>1</b>	
		<b>Các môn học bắt buộc : 17 TC</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>1</b>	
1	NL01	Những nguyên lý của CN Mác – Lênin	5	5		

2	TO08	Toán cao cấp	5	5		
3	IS01	Tin học đại cương	3	2	1	
4	KT42	Kinh tế học căn bản	4	4		
<b>Các môn học tự chọn : 2 TC</b>			<b>2</b>	<b>2</b>		
1	TL01	Tâm lý học	2	2		Chọn 1 trong 2
2	GT05	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2		
	NN01	Ngoại ngữ không chuyên 1	4	4		

### HỌC KỲ II (Năm 1) – 17 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	
			<b>17</b>	<b>16</b>	<b>1</b>	
<b>Các môn học bắt buộc : 12 TC</b>			<b>12</b>	<b>11</b>	<b>1</b>	
1	TO07	Lý thuyết xác suất	2	2		
2	QT01	Quản trị học đại cương	3	3		
3	KK01	Nguyên lý kế toán	3	3		
4	IS02	Kỹ thuật lập trình	4	3	1	IS01
<b>Các môn học tự chọn : 5 TC</b>			<b>5</b>	<b>5</b>		
1	QH04	Quan hệ quốc tế	2	2		Chọn 1 trong 2
2	DL04	Địa chính trị thế giới	2	2		
3	TH06	Tin học ứng dụng	3	3		Chọn 1 trong 2
4	LG01	Logic học	3	3		
	NN02	Ngoại ngữ không chuyên 2	4	4		
	QP01	Giáo dục Quốc phòng	4 tuần	165 tiết		

### HỌC KỲ III (Năm 2) – 17 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	
			<b>17</b>	<b>16</b>	<b>1</b>	
<b>Các môn học bắt buộc: 12 TC</b>			<b>12</b>	<b>11</b>	<b>1</b>	
1	PL01	Pháp luật đại cương	3	3		

2	IS06	Toán cho tin học	3	3		IS01
3	IS03	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1	IS01 IS02
4	IS18	Mạng máy tính	3	3		IS01
<b>Các môn học tự chọn : 5 TC</b>			<b>5</b>	<b>5</b>		
1	LS01	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	3		Chọn 1 trong 4
2	TC10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3		
3		Thống kê ứng dụng	3	3		
4	LS02	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3		
5	KN01	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2		Chọn 1 trong 2
6	PP01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2		
	NN03	Ngoại ngữ không chuyên 3	4	4		
	GT01	Giáo dục thể chất	3	3		

#### HỌC KỲ IV (Năm 2) – 18 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	
			<b>18</b>	<b>18</b>		
<b>Các môn học bắt buộc : 12 TC</b>			<b>12</b>	<b>12</b>		
1	IS04	Nhập môn cơ sở dữ liệu	3	3		IS06
2	IS09	Hệ thống thông tin quản lý	3	3		IS01 QT01
3	LU01	Luật kinh tế	3	3		
4	MA01	Marketing căn bản	3	3		
<b>Các môn học tự chọn : 6 TC</b>			<b>6</b>	<b>6</b>		
1	TD01	Kinh doanh quốc tế	3	3		Chọn 1 trong 3
3	KT02	Kinh tế lượng	3	3		
4		Tài chính doanh nghiệp	3	3		
5	QT04	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		Chọn 1 trong 2
6	IS15	Kế toán tin học	3	3		
	NN04	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	4		

	GT02	Giáo dục thể chất	2	2		
--	------	-------------------	---	---	--	--

### HỌC KỲ V (Năm 3) – 17 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	
			<b>17</b>	<b>14</b>	<b>3</b>	
		<b>Các môn học bắt buộc : 14 TC</b>	<b>14</b>	<b>11</b>	3	
1	IS07	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	3	2	1	IS04
2	IS08	Thiết kế và lập trình Web kinh doanh 1	3	2	1	IS02 IS18
3	IS13	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1	IS09 IS04
4	ER01	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	2		IS09 KK01
5	ĐL01	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3		
		<b>Các môn học tự chọn : 3 TC</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
1	QT03	Quản trị chiến lược	3	3		Chọn 1 trong 4
2	IS27	Lập trình cơ sở dữ liệu	3	3		
3	LU03	Chính phủ điện tử	3	3		
4	TN02	Thị trường chứng khoán	3	3		
	NN05	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	4		

### HỌC KỲ VI (Năm 3) – 17 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	
			<b>17</b>	<b>15</b>	<b>2</b>	
		<b>Các môn học bắt buộc : 14 TC</b>	<b>14</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	
1	IS12	Thiết kế và lập trình Web kinh doanh 2	3	2	1	IS07 IS08
2	IS21	Thương mại điện tử	3	3		IS01 QT01 PL01 MA01
3	IS16	Quản trị dự án hệ thống thông tin	3	3		IS02

						IS13
4	ER02	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	3	2	1	ER01
5	TT01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
		<b>Các môn học tự chọn : 3 TC</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
1	NV01	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3		Chọn 1 trong 4
2	IS28	Marketing điện tử	3	3		
3	KK08	Kế toán tài chính	3	3		
4	IS26	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	3		
	NN06	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	4		

### HỌC KỲ VII (Năm 4) – 21 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	
			<b>21</b>	<b>19</b>	<b>2</b>	
		<b>Các môn học bắt buộc : 12 TC</b>	<b>12</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	
1	IS14	Khai phá dữ liệu và Nhà kho dữ liệu	3	2	1	IS04
2	IS28	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin quản lý	3	3		IS13 IS18
3	IS25	Đồ án ngành	3	3		IS13 IS12 IS07
4	ER03	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	3	2	1	ER02
		<b>Các môn học tự chọn : 3 TC</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
1	LU03	Luật giao dịch điện tử	3	3		Chọn 1 trong 4
2	KK13	Hệ thống thông tin kế toán	3	3		
3	IS19	Thanh toán điện tử	3	3		
4	QT16	Quản trị bán hàng	3	3		
		<b>Các môn học chuyên đề : 6 TC</b>	<b>6</b>	<b>6</b>		Dành cho sinh viên không làm khóa luận
1		Chuyên đề tốt nghiệp 1	2	2		
2		Chuyên đề tốt nghiệp 2	2	2		

3		Chuyên đề tốt nghiệp 3	2	2		
---	--	------------------------	---	---	--	--

**HỌC KỲ VIII (Năm 4) – 10 TC**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	Ghi chú
1		Thực tập cuối khóa	4	4		
2		Khóa luận tốt nghiệp	6	6		



